

CHIỀU CẠNH GIỚI TRONG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

ĐẶNG THANH NHÀN*

Việt Nam là nước chịu nhiều tác động tiêu cực của thiên tai và biến đổi khí hậu. Cả nam giới, phụ nữ và trẻ em đều có thể bị tổn thương bởi các hiện tượng khí hậu cực đoan như mưa bão, lũ lụt, hạn hán... Thách thức của biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, do đó ứng phó với biến đổi khí hậu đóng vai trò rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở tổng quan, phân tích các tài liệu nghiên cứu liên quan, bài viết cho thấy, có sự khác nhau giữa nam và nữ trước tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu trên các khía cạnh: sinh kế, chăm sóc gia đình, sức khỏe, khả năng tiếp cận các nguồn lực... Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra những khác biệt về giới trong ứng phó của người dân trước những tác động tiêu cực của thiên tai và biến đổi khí hậu.

Từ khóa: biến đổi khí hậu, thiên tai, giới và biến đổi khí hậu

Nhận bài ngày: 3/3/2017; đưa vào biên tập: 15/4/2017; phản biện: 7/8/2017; duyệt đăng: 16/10/2017

1. MỞ ĐẦU

Việt Nam là một trong các quốc gia dễ bị tổn thương và bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. Trong Báo cáo về chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu được công bố năm 2015, Việt Nam là nước đứng thứ bảy trong số các nước bị thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra trong giai đoạn 1994-2013. Với phần

lớn dân số hiện đang sinh sống tại các lưu vực sông trũng, thấp và các vùng bờ biển, dự kiến có hơn 70% dân số Việt Nam đang chịu ảnh hưởng của thiên tai. Trong những năm gần đây bão, lũ lụt và các hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra ngày càng thường xuyên, gây ra những thiệt hại về con người và ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế⁽¹⁾.

Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng

* Viện Giới và Gia đình.

tác động của biến đổi khí hậu là khác nhau tới mọi người trong cộng đồng hoặc thậm chí ảnh hưởng khác nhau đối với từng thành viên trong cùng một hộ gia đình. Tác động của biến đổi khí hậu phụ thuộc vào tính dễ bị tổn thương của mỗi nhóm xã hội, giới và quốc gia. Phụ nữ ở Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ nông thôn, miền núi là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất bởi các thảm họa thiên nhiên, vì có hơn 60% phụ nữ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp – công việc phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết và các nguồn tài nguyên tự nhiên như đất, nước... Hơn nữa, phụ nữ làm nhiều các công việc không được trả công hơn so với nam giới khiến địa vị kinh tế, xã hội của họ ngày càng giảm. Sự phân bố không đều về quyền, nguồn lực và các quy tắc tiêu chuẩn văn hóa đã hạn chế nhiều khả năng của họ so với nam giới trong việc hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (Oxfam, UN Vietnam 2009).

Trên cơ sở tổng quan, phân tích một số tài liệu nghiên cứu có liên quan, bài viết này nhằm làm rõ hơn một số khác biệt về giới trong ứng phó của người dân đối với thiên tai và biến đổi khí hậu.

2. KHÁC BIỆT GIỚI DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2.1. Gánh nặng sinh kế

Theo dự báo, biến đổi khí hậu sẽ làm trầm trọng thêm ảnh hưởng của thiên tai lên người dân, đầu tiên là người nghèo, người dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và người già (ADB 2013).

Thời gian qua, có không ít các nghiên cứu đã chỉ ra, người dân nông thôn nghèo Việt Nam đặc biệt dễ bị tổn thương trước thiên tai, do sinh kế của họ là sản xuất nông nghiệp. Họ thường xuyên phải đối mặt với các rủi ro mất mùa do hạn hán, mưa bất thường, lũ lụt... và điều này làm tăng thêm gánh nặng của phụ nữ trong công việc đồng áng qui mô nhỏ, do họ phải bỏ nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị đất, lấy nước, tưới nước và bảo vệ mùa màng khỏi sâu bệnh. Thiệt hại về cây trồng do biến đổi khí hậu cũng làm tăng thêm nhiều việc đối với phụ nữ do họ phải tìm kiếm thêm những sinh kế khác để đảm bảo cuộc sống (Oxfam & UN Việt Nam 2009: 52). Hơn nữa, họ lại thiếu tài sản và vốn để có chiến lược thích ứng và chống chịu lâu dài cũng như xây dựng các hệ thống quản lý thảm họa (Oxfam 2017).

Trên thực tế, thảm họa khiến cho cả nam giới và nữ giới cùng có nguy cơ bị mất việc làm. Tuy nhiên, điều kiện làm việc của phụ nữ dễ bị ảnh hưởng hơn nam giới, vì phụ nữ nghèo - ở cả khu vực thành thị và nông thôn - làm việc nhiều hơn nam giới trong những lĩnh vực không an toàn và phi chính thức, trong điều kiện làm việc tồi tệ hơn và thường được trả mức tiền công thấp hơn. Tập trung lao động trong những lĩnh vực phi chính thức khiến phụ nữ dễ bị tổn thương hơn bởi thiên tai và biến đổi khí hậu (WB 2012, Omari 2010).

2.2. Trách nhiệm chăm sóc trong gia đình

Phụ nữ ngoài việc đảm nhiệm các công việc sản xuất còn phải gánh vác công việc gia đình, Họ thường gặp nhiều khó khăn trong việc chăm sóc người ốm, cung cấp thức ăn, chất đốt, nước và chăm sóc người khác khi thiếu thốn các nguồn lực trong điều kiện thiên tai, thảm họa diễn ra (UN Việt Nam 2009).

Những trách nhiệm và công việc của phụ nữ và trẻ em gái làm giảm cơ hội được học tập, được tham gia vào các hoạt động tạo thu nhập, qua đó làm trầm trọng hơn những ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu đối với họ (Oxfam 2009).

2.3. Những ảnh hưởng về sức khỏe

Khi thiên tai diễn ra, đồng nghĩa với việc các căng thẳng xã hội tăng lên và người phụ nữ là người chịu ảnh hưởng nặng nề hơn về mặt tâm lý cũng như thêm gánh nặng trong công việc chăm sóc và cung cấp thực phẩm cho hộ gia đình. Nghiên cứu của Oxfam năm 2009 cho thấy, phụ nữ ăn ít hơn trong thời điểm giáp hạt và sức khỏe yếu hơn vào các thời kỳ căng thẳng kéo dài. Cả phụ nữ lẫn nam giới hợp thức hóa tình hình này với lý lẽ là nam giới phải làm các việc về cơ bắp, cần nhiều năng lượng hơn so với phụ nữ là người chịu trách nhiệm nấu nướng cho gia đình. Có thể thấy các ý niệm khó thay đổi về vai trò giới đã tạo ra sự phân biệt đối xử với phụ nữ và gây ra các tác động sức khỏe không tốt. Phụ nữ và các em gái chịu nhiều ảnh hưởng về sức khỏe hơn trong và sau thiên tai. Trẻ em và phụ

nữ mang thai đặc biệt dễ cảm với các bệnh đường nước (như tiêu chảy, tả, nhiễm đường hô hấp...). Phụ nữ có thai, đang cho con bú và trẻ sơ sinh, đặc biệt bị ảnh hưởng xấu do thiếu nước. Trong mùa lũ lụt phụ nữ thường mắc bệnh viêm nhiễm đường sinh sản (RTIs) (Oxfam & UN Việt Nam 2009: 37).

Nhìn chung, công việc mà phụ nữ đảm nhận thường phải chịu ảnh hưởng nặng nề nhất và phụ nữ cũng là đối tượng ít có khả năng phục hồi nhất từ các thảm họa (Sheona Shackleton và cộng sự 2012).

Rõ ràng tác động của biến đổi khí hậu là rất khác nhau giữa hai giới. Phụ nữ thường bị cho là dễ bị tổn thương hơn bởi họ bị phụ thuộc nặng nề hơn vào môi trường và chịu sự bất bình đẳng giới trong phân công lao động. Khi bị mất sinh kế do tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, họ sẽ ngày càng nghèo hơn. Bên cạnh đó, thu nhập thấp, sức khỏe kém, trình độ học vấn thấp hơn so với nam giới cũng làm phụ nữ bị giảm khả năng tiếp cận các thông tin cần thiết trước, trong và sau khi xảy ra thảm họa.

2.4. Khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên và quyền quyết định trong gia đình và cộng đồng

Sự khác biệt về giới không chỉ được ghi nhận trong tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu đến sinh kế, sức khỏe của người dân mà cả trong các khía cạnh khác như quyền sở hữu nhà ở, đất đai, vốn xã hội, tiếp cận thông tin, vai trò xã hội và kinh tế...

(WB 2005). Theo kết quả điều tra mức sống dân cư năm 2008, chỉ 20% phụ nữ đứng tên trên *Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất*, trong khi nam giới chiếm 62% và 18% là đồng sở hữu (VHLSS 2008 - Vietnam Household Living Standard Survey). Do đó phụ nữ sẽ có nhiều nguy cơ bị mất các công cụ sản xuất cũng như quyền thừa kế tài sản (ví dụ như đất đai) (UN Việt Nam 2009). Việc phụ nữ có ít quyền về đất đai còn cản trở họ tiếp cận với các nguồn tín dụng nhằm đa dạng hóa các nguồn thu nhập và việc phục hồi sau mất mát. Thiếu khả năng tiếp cận với các nguồn lực, tín dụng, thị trường và các dịch vụ mở rộng đã khiến cho phụ nữ bị bất lợi nghiêm trọng và hạn chế khả năng giảm thiểu những tác động tiêu cực do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra (Oxfam 2009, UN Việt Nam 2013: 7).

Như vậy, những tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu có sự khác biệt giới rõ rệt. Phụ nữ và trẻ em gái đã phần bị ảnh hưởng từ thiên tai nhiều hơn nam giới vì những đặc điểm về giới tính, vai trò, trách nhiệm cũng như khả năng tiếp cận và quản lý các nguồn lực khi có thiên tai. Những tác động đó đang có chiều hướng tăng lên trong bối cảnh biến đổi khí hậu, đòi hỏi phụ nữ phải đương đầu nhiều hơn với những khó khăn bằng những biện pháp thích ứng mang đặc thù giới.

3. KHÁC BIỆT GIỚI TRONG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

3.1. Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu

Như đã phân tích ở trên, phụ nữ thường chịu sự tác động nhiều hơn của thiên tai và biến đổi khí hậu. Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho phụ nữ đứng ở vị thế bất lợi hơn so với nam giới trong ứng phó với thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan là do sự bất bình đẳng trong phân công lao động tồn tại dai dẳng và phổ biến trong gia đình và xã hội.

Một số các nghiên cứu đã chỉ ra rằng nam giới có ưu thế hơn phụ nữ khi chuyên môn hóa lao động vì nam giới có khả năng dành thời gian liên tục cho một công việc. Trong khi đó, các trách nhiệm đối với công việc tái sản xuất, bao gồm cả chăm sóc con cái và nội trợ, khiến cho hầu hết phụ nữ không thể dành nhiều thời gian cần thiết để thực hiện một số công việc nhất định như làm chủ cửa hàng, di chuyển xa để buôn bán hoặc tham gia các việc làm được trả công. Vì lẽ đó, khả năng thích nghi của phụ nữ thấp hơn so với nam giới trước những tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan và thiên tai (Siri Eriksen và cộng sự 2005, Zanele Furusa & Munashe Furusa 2014).

Nghiên cứu tại một số quốc gia trên thế giới, tổ chức ActionAid (một tổ chức quốc tế đấu tranh chống đói nghèo và bất công) đã phát hiện ra rằng công việc chăm sóc không được trả công được nhìn nhận rộng rãi là "công việc của phụ nữ" với tất cả phụ nữ bất kể đẳng cấp và sắc tộc. Nhiều xã hội nhìn nhận việc chăm sóc như

là một phần vai trò của các bà mẹ, vợ và con gái. So với nam giới phụ nữ thường dành nhiều giờ hơn mỗi ngày để làm các công việc chăm sóc không được trả công. Nghiên cứu ở Pakistan cho thấy, phụ nữ nông thôn làm gần 5 tiếng các công việc không được trả công mỗi ngày trong khi nam giới chỉ dành nửa giờ cho công việc này. Phụ nữ Tanzania dành thời gian làm các công việc này gấp ba lần so với nam giới. Ở Bangladesh, ngay từ khi còn là một đứa trẻ, trẻ em gái thường được dạy dỗ là phải giúp đỡ mẹ làm các công việc nhà nhiều hơn trẻ em nam. Ngoài ra, các chuẩn mực xã hội về công việc chăm sóc không được trả công thường được củng cố bởi các quan niệm tôn giáo, văn hóa, khuôn mẫu xã hội và thậm chí gián tiếp trong các chính sách của chính phủ (Oxfam 2009; ActionAid 2017).

Công việc không được trả công cũng ảnh hưởng đến cơ hội giáo dục của trẻ em gái, nó là lý do chính khiến trẻ em gái phải bỏ học nhiều, đặc biệt ở những vùng thường xuyên xảy ra thiên tai và trong giai đoạn phục hồi cuộc sống sau thiên tai. Ví dụ, trẻ em gái có nhiều khả năng bỏ học trong thời gian hạn hán vì phải hỗ trợ mẹ đi lấy nước từ các nguồn xa hơn. Mù chữ và ít tiếp xúc thông tin khiến phụ nữ và trẻ em gái hạn chế khả năng ứng phó với thiên tai. Nghiên cứu ở Philippin cho thấy sự hạn chế này là do họ thiếu tự tin và kiến thức. Phụ nữ ở Bangladesh cho biết rằng họ

không biết các công cụ cơ bản để lên kế hoạch và chuẩn bị cho thiên tai, và vì vậy không có nhận thức để thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Ngoài ra, họ cũng ít có khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến công tác chuẩn bị và hệ thống cảnh báo sớm. Những điều này làm tăng nguy cơ và làm suy yếu khả năng phục hồi sau thiên tai của họ (ActionAid 2017).

Ở Việt Nam, phụ nữ đang chiếm số đông ở lĩnh vực làm việc không chính qui và dễ bị tổn thương như là tự làm thuê cho bản thân hay làm việc cho gia đình mà không được trả lương. Theo VHLSS năm 2008 thì nam giới vẫn tiếp tục đóng góp ít hơn phụ nữ trong các công việc trong gia đình, điều này khiến cho người phụ nữ phải mang một gánh nặng kép – vừa phải chăm sóc gia đình vừa phải kiếm sống. Những khác biệt về giới này đã và đang tồn tại trong công việc, việc làm và tiền công, đặt phụ nữ trước rủi ro bị đẩy sâu thêm vào vai trò thứ yếu trong gia đình và các lĩnh vực trong xã hội (UN Việt Nam & Oxfam 2013).

Bất bình đẳng giới và địa vị kinh tế - xã hội thấp hơn của phụ nữ đã làm giảm khả năng chung trong nỗ lực ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, những nhà lập kế hoạch và các nhà lập pháp thường chưa quan tâm đến vấn đề này một cách đầy đủ và nhiều khi chưa nhìn nhận đúng khả năng phụ nữ có thể trở thành chủ thể hành động trong việc ứng phó với thiên tai và biến đổi

khí hậu (Seema Arora-Jonsson 2011, Sheona Shackleton và cộng sự 2012).

3.2. Cơ hội tiếp cận thông tin và việc ra tiếng nói quyết định

Phụ nữ không chỉ gánh vác rất nhiều trách nhiệm chăm sóc gia đình, đảm bảo an ninh thực phẩm, mà còn có thể đóng góp cùng với nam giới trong việc xây dựng khả năng ứng phó, phục hồi, giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Tuy nhiên, phụ nữ thường ít có cơ hội tiếp cận các nguồn thông tin liên quan đến thiên tai và biến đổi khí hậu ở cả cấp độ địa phương và cấp độ rộng hơn. Việc tham dự các cuộc họp của thôn, phường hoặc xã thường được coi là công việc của nam giới. Phụ nữ có xu hướng chỉ tham dự các cuộc họp chung tại cộng đồng khi nam giới bận hoặc vắng mặt (WB 2012, UN Việt Nam & Oxfam 2013: 6). So với nam giới, phụ nữ có xu hướng ít nắm bắt được cơ hội để trang bị cho mình những kỹ năng mới và nhận thức mới về ứng phó với thiên tai, ít tham gia các khóa tập huấn/đào tạo hay tham gia vào hệ thống các ủy ban phòng chống lụt bão (xuống tận cấp thôn xóm)... Điều này làm hạn chế khả năng tham gia của họ trong các quyết định liên quan tới biến đổi khí hậu (Oxfam & UN Việt Nam 2009: 37).

Việc phụ nữ không có địa vị bình đẳng trong các quyết định của cộng đồng có liên quan đến địa vị của họ trong gia đình. Các nghiên cứu cho thấy, phụ nữ nghèo sống tại cả khu vực thành thị và nông thôn đều có ít quyền quyết định trong công việc kinh doanh

của gia đình và cách thức chi tiêu thu nhập của gia đình (UN Việt Nam & Oxfam 2013: 6).

Nhiều cơ quan liên quan tới quản lý rủi ro do thiên tai ở Việt Nam vẫn chủ yếu do nam giới làm chủ. Do vậy, chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó với thiên tai thường được coi là "công việc của đàn ông" và tỷ lệ phụ nữ tham gia trong các quy trình ra quyết định liên quan tới quản lý rủi ro do thiên tai ở mọi cấp đều khá thấp (WB 2012, UN Việt Nam 2013). Việc phụ nữ không được tham gia đầy đủ trong các quá trình quy hoạch và ra quyết định ở cấp quốc gia và địa phương đã hạn chế cơ hội khai thác năng lực và kinh nghiệm của phụ nữ trong vấn đề này (UN Việt Nam 2009: 10).

Ví dụ như trong ngành nông nghiệp, các nỗ lực nhằm phục hồi và thích ứng chủ yếu đề cập đến các thành viên nam trong gia đình, mặc dù thực tế tình trạng nữ giới hóa đang ngày một gia tăng trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam. Đồng thời phụ nữ cũng được hưởng lợi ít hơn từ các chính sách và chương trình nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu (UN Việt Nam & Oxfam 2013).

Do phụ nữ và sự tham gia của phụ nữ trong công tác quản lý rủi ro thiên tai chưa được coi trọng đúng mức, nên việc thiết kế, tạo nguồn lực để thực hiện các chương trình, kế hoạch, chính sách giảm nhẹ rủi ro thiên tai có tính nhạy cảm giới là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay để nâng cao năng lực và trao quyền cho phụ nữ

trong sẵn sàng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

3.3. Khác biệt giới trong di cư – một giải pháp phổ biến trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Di cư thường được cho là giải pháp tiềm năng để đối phó và giảm nhẹ tác động của các hiểm họa khí hậu và mang lại lợi ích cho những đối tượng dễ bị tổn thương trong đó có phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo. Trong vòng hai thập kỷ qua, bản chất và quy mô di cư do tác động của môi trường đã bắt đầu có những thay đổi. Nguyên nhân của những thay đổi này là do biến đổi khí hậu tạo ra các cú sốc khí hậu và các áp lực khác về môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn. Mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu và di cư khá phức tạp. Di cư có thể là một giải pháp ứng phó, góp phần đa dạng hóa thu nhập, giúp các hộ dân và cộng đồng nâng cao khả năng chống chịu với các tác động bất lợi của áp lực môi trường và biến đổi khí hậu. Nó cũng có thể là một giải pháp thích ứng lâu dài, nhất là ứng phó với các hiện tượng biến đổi khí hậu khởi phát chậm và suy thoái môi trường. Nói cách khác, di cư được xem như một biện pháp của hộ gia đình nhằm đảm bảo có nguồn thu nhập ổn định từ công việc ở đô thị và giảm bớt những khó khăn về kinh tế do biến đổi khí hậu trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra (UN Việt Nam 2009, Ole Mertz và cộng sự 2009, Han Entzinger and Peter Scholten 2016).

Có sự khác biệt rõ rệt trong hình thức lao động giữa nam giới và phụ nữ khi

di cư đến nơi sinh sống mới: nam giới thường làm việc trong ngành xây dựng nhiều hơn, trong khi đó phụ nữ lại chủ yếu làm các công việc như giúp việc gia đình, công nhân lao động trong các nhà máy với mức lương thấp hoặc trao đổi lao động với các hộ khác (Nelson 2010). Tại nhiều quốc gia, phụ nữ nhập cư phải đối mặt với nhiều rủi ro nghiêm trọng như bị lạm dụng, quyền lao động không được đảm bảo và bị cô lập (UNFPA và WEDO 2009). Một nghiên cứu gần đây cho thấy nữ công nhân nhập cư làm việc trong các nhà máy thường trở thành nạn nhân của các vụ bạo hành liên quan đến giới từ người làm cùng cũng như từ những cá nhân trong cộng đồng (Steibelt 2009). Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng phần lớn sự tổn thương này xuất phát từ một thực tế là người nhập cư sống xa gia đình và không được sự bảo vệ từ người thân và gia đình, thiếu các mạng lưới xã hội, bao gồm thiếu cả mối liên kết xã hội tại khu vực người nhập cư sinh sống (Steibelt 2009, UN Việt Nam 2010).

Các gia đình nghèo có xu hướng phụ thuộc vào lao động di cư nhiều hơn nên thường có nhiều lao động di cư hơn. Nghiên cứu ở Nepal và Ấn Độ cho thấy, phần lớn người di cư là nam giới trong độ tuổi lao động và thậm chí có cả trẻ vị thành niên và điều này đã đổ gánh nặng việc nhà và công việc sản xuất của gia đình lên vai người phụ nữ. Tuy nhiên, không phải lúc nào di cư cũng mang lại kết quả như mong muốn. Khi nam giới di cư lao động,

khoản tiền gửi về thường không thường xuyên và ổn định. Những người Nepal đi xuất khẩu lao động đôi khi không có tiền gửi về trong vòng 2 năm đầu vì họ phải trả khoản nợ khổng lồ họ đã vay để di cư. Trong suốt thời gian này, gia đình họ không nhận được tiền gửi. Vì vậy, gánh nặng lên các thành viên trong gia đình, đặc biệt là phụ nữ tăng thêm. Đáng chú ý là trong nhiều gia đình, khi nam giới di cư lao động, khả năng tiếp cận nguồn lực tài chính của phụ nữ vẫn không được cải thiện. Phụ nữ không được trực tiếp nhận tiền chồng họ gửi về. Ở Dhnusha và Morang, Nepal, người chồng đi xuất khẩu lao động gửi tiền về qua ngân hàng và có nhiều trường hợp, gia đình nhà chồng đi nhận tiền và có quyền kiểm soát nguồn tiền này (Fraser Sugden và cộng sự 2014).

Ở Việt Nam, tần suất và cường độ của thiên tai ngày càng gia tăng, nhất là bão nhiệt đới và lũ lụt, dẫn tới thiệt hại lớn về người và tài sản, làm hư hỏng cơ sở hạ tầng. Hàng trăm ngàn người đã phải di chuyển chỗ ở, nhiều người khác phải rời bỏ quê hương và tái định cư ở nơi khác do điều kiện sống ngày càng khắc nghiệt ở một số khu vực, đặc biệt là các vùng ven biển. Di dân thường xảy ra trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra. Tùy thuộc vào bản chất của thiên tai mà có các loại dịch chuyển dân số khác nhau (Đặng Nguyên Anh, Irene Leonardelli, Ana Alicia Dipierri 2016, JANI 2011). Một số các nghiên cứu đã chỉ ra rằng di cư là một giải pháp sinh kế và nó đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nhẹ

mức độ ảnh hưởng và tổn thương tại địa phương và góp phần gia tăng các cơ hội kinh tế. Di cư đóng vai trò tích cực trong việc giúp đỡ mọi người thích ứng với thay đổi môi trường (UN Việt Nam 2014, Han Entzinger and Peter Scholten 2016). Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng trẻ em, phụ nữ mang thai, người tàn tật và người cao tuổi sẽ gặp phải nhiều thách thức hơn trong quá trình di cư (Action Aid 2017).

Một nghiên cứu tại tỉnh Cà Mau (năm 2017) tập trung vào mối quan hệ giữa di cư với sinh kế của người dân cho thấy, người làm nghề đánh bắt thủy sản quy mô nhỏ là những người bản cùng, họ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt, thời tiết khắc nghiệt và những mối nguy hiểm khác. Cộng đồng ngư dân này nâng cao khả năng chống chịu bằng cách đa dạng hóa nguồn sinh kế, di dời sang các vùng khác, thâm canh, liên kết và chuyên môn hóa hoạt động sinh kế (dẫn theo Liên Hợp Quốc tại Việt Nam. 2014: 9). Sự tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu dẫn tới gánh nặng công việc của phụ nữ trở nên nặng nề hơn khi nam giới di cư xa hơn để lại phụ nữ ở nhà chăm sóc gia đình (Oxfam 2009, 2017).

Vì vậy, nếu nam giới rời xa gia đình đi kiếm sống sẽ làm tăng số lượng phụ nữ làm chủ hộ tại các cộng đồng có người di cư, đây là một trong những nguyên nhân làm tăng tỷ lệ phụ nữ trong các công việc đồng áng quy mô nhỏ. Họ phải chịu một gánh nặng lớn

hơn trong khi cơ hội tiếp cận với các nguồn lực và sinh kế cơ bản là rất hạn chế (UN Việt Nam 2010). Mặt khác, khi mà cơ cấu và vai trò trong xã hội có nhiều thay đổi, một số người cho rằng điều này sẽ mở ra nhiều cơ hội mới với nhiều quyền tự quyết hơn cho những người phụ nữ rời xa gia đình và cả những người ở lại và vai trò về giới có thể có những thay đổi.

Như vậy, di cư được coi là một chiến lược ứng phó của cả nam giới và phụ nữ đối với thiên tai và biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, thiếu khả năng tiếp cận với các nguồn lực, tín dụng, thị trường và sự tồn tại của các bất bình đẳng giới trong phân công lao động ở gia đình và xã hội đã khiến cho người phụ nữ bị hạn chế hơn trong các chiến lược ứng phó của họ.

4. KẾT LUẬN

Biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề trọng tâm được thừa nhận trong chiến lược phát triển quốc gia và chính sách phát triển của từng địa phương. Không thể phủ nhận rằng, tác động của biến đổi khí hậu đối với mỗi giới là khác nhau và điều đó ảnh hưởng tới hiệu quả của các biện pháp chống biến đổi khí hậu.

Các nghiên cứu cả ở trong và ngoài nước đã cho thấy, tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu đặc biệt mạnh

ở nhóm nghèo, nhóm phụ nữ ở nông thôn và làm nông nghiệp, những người có xu hướng phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên và có các hoạt động sinh kế nhạy cảm với khí hậu. Hơn nữa, do bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại phổ biến, cho nên phụ nữ thường chịu ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu nhiều hơn so với nam giới.

Tại Việt Nam, phụ nữ không chỉ góp phần tạo nên một nửa dân số mà còn giữ những vị trí quan trọng trong gia đình, trong khu vực kinh tế nông thôn và thành thị, và vì vậy họ có vai trò quan trọng trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Phụ nữ chính là những người đầu tiên chăm sóc các thành viên trong gia đình khi thiên tai xảy ra. Tuy vậy, vấn đề giới vẫn chưa thực sự được chú ý đến trong các nghiên cứu chính sách. Vì vậy, để giảm thiểu những tác động tiêu cực và nâng cao được khả năng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, cần có những nỗ lực cụ thể cả về mặt chính sách và thực tiễn, trong đó, phụ nữ cần phải được xác định là trọng tâm của các hoạt động chống biến đổi khí hậu, có cơ chế cụ thể để có thể tận dụng tri thức và tiềm năng của họ, tạo điều kiện cho họ có thể phát huy vai trò không chỉ ở cấp độ gia đình mà cả ở cấp độ cộng đồng và xã hội. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ <http://www.un.org.vn/vi/feature-articles-press-centre-submenu-252/4169-climate-action-women-hold-the-key.html>

⁽²⁾ Theo Nguyễn Minh Bảo, Viện Năng lượng (thông tin cá nhân), khoảng 90% năng lượng dùng trong gia đình ở nông thôn là từ nhiên liệu sinh khối; bao gồm củi, phụ phẩm nông

nghiệp và than củi. Chúng thường dùng để nấu nướng trong gia đình hoặc phục vụ lĩnh vực sản xuất nhỏ lẻ mà phụ nữ chiếm đa số. Mặc dù thời gian và ngân sách dành cho các nghiên cứu về khác biệt giới tại Việt Nam vẫn còn hiếm, nhưng nghiên cứu tại Trung Quốc, Nam Á và Châu Phi cũng đã chỉ ra sự khác biệt giới tương tự (xem FAO 2006, Năng lượng và Giới).

⁽³⁾ Nguyễn Hồng Điệp. Nâng cao vai trò phụ nữ ứng phó với biến đổi khí hậu. Nguồn: <http://www.vietnamplus.vn/nang-cao-vai-tro-phu-nu-ung-pho-bien-doi-khi-hau/190272.vnp>, ngày 6/3/2013.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Action Aid. 2017. www.actionaid.org/vi/vietnam.
2. ADB. 2013. *Việt Nam, đánh giá môi trường và biến đổi khí hậu*. ADB, Manila, Philippines.
3. Fraser Sugden, Niki Maskey, Floriane Clement, Vidya Ramesh, Anil Philip & Ashok Rai. 2014. "Agrarian Stress and Climate Change in the Eastern Gangetic Plains: Gendered Vulnerability in a Stratified Social Formation". *Global Environmental Change*, 29.
4. Hà Thị Phương. 2012. "Sinh kế thủy sản và thích ứng trong điều kiện môi trường đe dọa về bất định sinh thái", trong kỷ yếu hội thảo: *Thích ứng với biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long* (CTU, IOM và UNDP). Đại học Cần Thơ, 4-5/6/2012.
5. Han Entzinger and Peter Scholten. 2016. *Adapting to Climate Change Through Migration: a Case Study of the Vietnamese Mekong River Delta*.
6. Nelson, Valerie. 2010. *Biến đổi khí hậu và di cư: Khung phân tích*. Viện Tài nguyên, Đại học Greenwich.
7. Nguyễn Đức Khiển, Phạm Văn Đức, Đinh Minh Trí. 2010. *Thực thi luật và chính sách bảo vệ môi trường*. Hà Nội: Nxb. Thông tin và Truyền thông.
8. Nguyễn Hồng Điệp. "Nâng cao vai trò phụ nữ ứng phó với biến đổi khí hậu". Nguồn: <http://www.vietnamplus.vn/nang-cao-vai-tro-phu-nu-ung-pho-bien-doi-khi-hau/190272.vnp>, truy cập ngày 6/3/2013.
9. Ole Mertz, Cheikh Mbow, Anette Reenberg & Awa Diouf. 2009. "'Farmers' Perceptions of Climate Change and Agricultural Adaptation Strategies in Rural Sahel". *Environmental Management*, 43.
10. Omari, K. 2010. *Gender and Climate Change: Botswana Case Study*. Heinrich B&I Foundation Southern Africa, 123 Hope Street, Gardens 8001, Cape Town.
11. Oxfam & UNDP. 2009. *Responding to Climate Change in Vietnam: Opportunities for Improving Gender Equality. A Policy Discussion Paper*. Hanoi.
12. Oxfam, UN Việt Nam. 2009. *Việt Nam và biến đổi khí hậu*. Báo cáo thảo luận các chính sách phát triển con người bền vững.
13. Oxfam. 2017. *Thu hẹp khoảng cách cùng giảm bất bình đẳng ở Việt Nam*. Báo cáo Nghiên cứu chính sách 12/1/2017.
14. Phan Văn Tân, Ngô Đức Thành. 2013. "Biến đổi khí hậu ở Việt Nam: Một số kết quả nghiên cứu, thách thức và cơ hội trong hội nhập quốc tế". *Tạp chí Khoa học*. Đại học Quốc gia Hà Nội, Các Khoa học Trái đất và Môi trường, Tập 29, Số 2 (2013).

15. Seema Arora-Jonsson. 2011. "Virtue and Vulnerability: Discourses on Women, Gender and Climate Change". *Global Environmental Change*, 21.
16. Sheona Shackleton, Leigh Cobban & Georgina Cundill. 2012. "A Gendered Perspective of Vulnerability to Multiple Stressors, Including Climate Change, in the Rural Eastern Cape, South Africa". *Agenda*, 28(3).
17. Siri Eriksen, Katrina Brown & Mick Kelly. 2005. "The Dynamics of Vulnerability: Locating Coping Strategies in Kenya and Tanzania". *The Geographical Journal* 171(4).
18. UN Việt Nam & Oxfam. 2013. *Bản tóm lược gợi ý định hướng chính sách bình đẳng giới trong công tác giảm nhẹ rủi ro thảm họa và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu*.
19. UN Việt Nam. 2010. *Di cư trong nước: cơ hội và thách thức cho phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam*. UN, Hà Nội.
20. UN Việt Nam. 2013. *Thống nhất hành động – Báo cáo kết quả 2012*.
21. UN Viet Nam. 2014. *Migration, Resettlement and Climate Change in Viet Nam Reducing Exposure and Vulnerabilities to Climatic Extremes and Stresses Through Spontaneous and Guided Migration*.
22. UNFPA và WEDO (Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ). 2009. *Climate Change Connections: công cụ nguồn về khí hậu, dân số và giới*.
23. WB. 2005. *Gender-Responsive Social Analysis: A Guidance Note (Incorporating Social Dimensions into Bank-Supported Projects)*.
24. WB. 2012. *Báo cáo đánh giá xã hội: Dự án quản lý thiên tai (WB5)*.
25. Zanele Furasa & Munashe Furusa. 2014. "Women's Coping and Adaptation Capacities in Pastoralist Communities in Africa: Dealing with Climate Variability and Change". *Agenda: Empowering Women for Gender Equity*, 28(3).